

**CÔNG TY TNHH IMPORT AND EXPORT B&A**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH IMPORT AND EXPORT B&A

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IMPORT AND EXPORT B&A COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301234125

**3. Ngày thành lập:** 22/02/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 2 khu Đạo Chân, Phường Kim Chân, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0989911104

Fax:

Email: binhan.bn.vn@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                        | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                               | 4329     |
| 3.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                          | 4511     |
| 4.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                            | 4513     |
| 5.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                               | 4520     |
| 6.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                           | 4530     |
| 7.  | Bán mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng                                                                                                                                        | 4541     |
| 8.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                                                                                                                                                                           | 4610     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                  | 4649     |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                          | 4651     |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                           | 4652     |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị phòng cháy chữa cháy, bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (Máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện) | 4659     |
| 13. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                          | 4662     |
| 14. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                      | 4663     |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp.                                                                                                                 | 4669     |
| 16. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                             | 8292     |

Thời gian đăng từ ngày 22/02/2023 đến ngày 24/03/2023

|     |                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh  | 8299        |
| 18. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                | 6810        |
| 19. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                  | 7110        |
| 20. | Quảng cáo                                                                                                                            | 7310        |
| 21. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                       | 7410        |
| 22. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                               | 7710        |
| 23. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                    | 4690        |
| 24. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                 | 4711        |
| 25. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                         | 2220        |
| 26. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                       | 2511        |
| 27. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                         | 2592        |
| 28. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                          | 2599        |
| 29. | Sản xuất linh kiện điện tử<br>Chi tiết: Gia công linh kiện điện tử<br>- Sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện ứng dụng điện tử khác | 2610(Chính) |
| 30. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                       | 2710        |
| 31. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                  | 2731        |
| 32. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                               | 2732        |
| 33. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                              | 2733        |
| 34. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng<br>Chi tiết: Sản xuất, gia công, lắp đặt thiết bị điện chiếu sáng                                  | 2740        |
| 35. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                            | 2750        |
| 36. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                          | 2790        |
| 37. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                        | 2817        |
| 38. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                         | 2819        |
| 39. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                | 2824        |
| 40. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                       | 4933        |
| 41. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                     | 5224        |
| 42. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                  | 5229        |
| 43. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                            | 5510        |
| 44. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                | 7810        |
| 45. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                           | 7820        |
| 46. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                   | 7830        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 47. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                     | 7990 |
| 48. | Hoạt động bảo vệ tư nhân                                                                                                                                                | 8010 |
| 49. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn                                                                                                                                        | 8020 |
| 50. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                 | 8110 |
| 51. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                   | 8121 |
| 52. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                       | 8129 |
| 53. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                    | 3290 |
| 54. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                  | 3311 |
| 55. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312 |
| 56. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                  | 3313 |
| 57. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314 |
| 58. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                  | 3319 |
| 59. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320 |
| 60. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                          | 3811 |
| 61. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                | 3812 |
| 62. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 63. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 64. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 65. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 66. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

## **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN VĂN PHÚC

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 26/05/1998 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027098010877

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu Đạo Chân, Phường Kim Chân, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Đạo Chân, Phường Kim Chân, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

## **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN PHÚC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/05/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027098010877

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu Đạo Chân, Phường Kim Chân, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Đạo Chân, Phường Kim Chân, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh